

Bản án số 46/2022/HS-PT
Ngày 11/3/2022

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Lê Tự, ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Văn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đặng Thọ Định - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 468/2021/TLPT-HS ngày 04/10/2021 do bị cáo kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2021/HS-ST ngày 23/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1121a/2021/QĐXXPT-HS ngày 01/3/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đối với:

Bị cáo Nguyễn Tất T, sinh năm 1977, tại thành phố T, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: thành phố T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn P, sinh năm 1949 (đã chết) và bà Lê Thị T (đã chết); có vợ là Lê Thị Ngọc E, sinh năm 1971; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tất T theo yêu cầu của bị cáo: Luật sư Lưu Thị L, thuộc Văn phòng Luật sư Lưu Lan, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961; nơi cư trú: Khối phố 4, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1985; nơi cư trú: thành phố T, tỉnh Quảng Nam; có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì đang bị nhiễm Covi-19 (gửi kèm Kết quả xét nghiệm đề ngày 07/3/2022 của Công ty cổ phần Bệnh viện Thiện Nhân - Quảng Nam).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 5/2017, do cần tiền nên Nguyễn Tất T nhờ Nguyễn Ngọc T (sinh ngày 01/5/1985; trú tại khối phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; là nhân viên tín dụng Phòng giao dịch Ngân hàng V tại thành phố T) tìm

người giới thiệu để mượn tiền, vì muốn T giúp mình nên T nói dối T là cần tiền để đầu thầu công trình xây dựng, T tin lời T và muốn giúp T. T biết bà Nguyễn Thị H (sinh ngày 08/02/1961; trú tại khối phố 4, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam) chỉ cho vay, mượn tiền để “đáo hạn Ngân hàng” nên bàn với T là muốn vay được tiền thì phải nói mượn để T “đáo hạn Ngân hàng” cho T.

Ngày 20/5/2017, T và T đến gặp bà H tại nhà bà H, cùng nói dối bà H là mượn tiền để T là người làm hồ sơ đáo hạn khoản vay của T tại Phòng giao dịch Ngân hàng V - Thành phố T, cam kết sẽ trả cho bà H trong thời hạn 10 ngày. Bà H tin tưởng nên giao cho T 900.000.000 đồng, đồng thời lập **GIẤY MƯỢN TIỀN** ngày 20/5/2017, yêu cầu T ký, ghi họ tên Nguyễn Tất T vào mục Người mượn tiền, yêu cầu T ký, ghi họ tên Nguyễn Văn T vào mục Người bảo lãnh.

T khai, sau khi mượn được tiền T đã đưa toàn bộ 900.000.000 đồng cho Nguyễn Thị Ái V (sinh năm 1985; trú tại thành phố T, tỉnh Quảng Nam, là em ruột của T) để trả nợ, sau đó, V bỏ đi khỏi nơi cư trú. Khi đến hạn phải trả tiền, bà H liên tục gọi điện hỏi thúc nhưng T và T không trả, khoảng 02 tháng sau, T và T thừa nhận với bà H không sử dụng số tiền mượn vào việc đáo hạn Ngân hàng mà chỉ nói vậy để bà H tin tưởng cho mượn. Ngày 22/7/2017 T cho T mượn 480.000.000 đồng trả bà H. Ngày 17/02/2019, bà H gửi đơn tố giác T và T đưa ra thông tin gian dối mượn tiền của bà H và chiếm đoạt 900.000.000 đồng, Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp nghiệp vụ xác minh, xác định Nguyễn Thị Ái V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố T, tỉnh Quảng Nam, nhưng đã bỏ đi khỏi nơi cư trú không rõ địa chỉ từ tháng 5/2017. Ngày 20/8/2021, T trả bà Nguyễn Thị H 10.000.000 đồng.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2021/HS-ST ngày 23/8/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tất T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt Nguyễn Tất T 12 năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 585, 587, 590 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Tất T có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Nguyễn Thị H số tiền 410.000.000 đồng. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Tất T không tự nguyện thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc Nguyễn Tất T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 20.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngày 31/8/2021 bị cáo Nguyễn Tất T kháng cáo cho rằng bị cáo mượn tiền của bà H nhưng có Nguyễn Ngọc T bảo lãnh, nên nếu bị cáo không đủ điều kiện trả nợ thì Người bảo lãnh có trách nhiệm trả thay nên bà H có quyền khởi kiện yêu cầu T trả đủ tiền và thực tế bị cáo và T đã trả bà H tổng cộng 490 triệu đồng; do

đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của bà H là “oan”.

- Ngày 15/11/2021 (khi đã hết thời hạn kháng cáo) bà H gửi *Đơn xin cứu xét* cho rằng T bảo lãnh cho T nên đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm buộc T trả 405 triệu đồng còn lại; nếu không, đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự đối với T vì T đồng phạm với T nói dối bà H mượn tiền để “*đáo hạn Ngân hàng*” rồi chiếm đoạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Tất T giữ nguyên kháng cáo kêu oan.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng T mượn tiền của bà H nhưng có T bảo lãnh và thực tế T đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả bà H hơn nửa số tiền nên đây là quan hệ dân sự và bà H có quyền khởi kiện yêu cầu T thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là oan, đề nghị hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, các Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo, Luật sư chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là đúng người, đúng tội, không oan; mức hình phạt 12 năm tù là phù hợp nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Phiên tòa phúc thẩm đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai; cấp phúc thẩm có triệu tập bị hại là bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc T để làm rõ một số tình tiết trong vụ án, nhưng bà H vắng mặt không lý do, còn ông T bị nhiễm Covid-19 nên xin vắng mặt; do đó, Hội đồng quyết định tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[2] Nguyễn Ngọc T là nhân viên tín dụng Phòng giao dịch Ngân hàng V - Thành phố T; Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Tất T là anh em họ hàng với nhau và cùng trú tại khối phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Tháng 5/2017 T cần tiền nên gặp và nói dối T là mình cần tiền phục vụ kinh doanh xây dựng công trình, T tin lời T và muốn giúp T nên nói cho T là biết bà H chỉ cho vay “*đáo hạn Ngân hàng*” nên muốn vay được tiền phải nói dối vay để đáo hạn tại Ngân hàng T làm việc. Ngày 20/5/2017, T và T đến gặp bà H tại nhà bà H, cùng nói dối bà H là mượn tiền để T là người làm hồ sơ đáo hạn khoản vay của T tại Ngân hàng T làm việc, sẽ trả cho bà H trong thời hạn 10 ngày. Bà H tin nên giao cho T 900.000.000 đồng, đồng thời lập **GIẤY MƯỢN TIỀN** ngày 20/5/2017, yêu cầu T ký, ghi họ tên Nguyễn Tất T vào mục *Người viết giấy mượn tiền*, yêu cầu T ký,

ghi họ tên Nguyễn Ngọc T vào mục *Người bảo lãnh*, Giấy bà H giữ và cung cấp (bút lục 40). T khai, sau khi mượn được tiền, đã đưa toàn bộ 900 triệu đồng cho em gái là Nguyễn Thị Ái V để trả nợ, V đã bỏ đi khỏi nơi cư trú không rõ địa chỉ từ tháng 5/2017.

[3] Khi đến hạn trả tiền, bà H liên tục gọi điện hỏi thúc T và T trả tiền, nhưng T và T tiếp tục nói dối bà H là đang làm thủ tục đáo hạn Ngân hàng nên chưa trả tiền được. Khoảng 02 tháng sau, T và T thừa nhận với bà H không sử dụng số tiền mượn vào việc đáo hạn Ngân hàng mà nói vạ để bà H tin cho mượn tiền. Ngày 10/7/2017, T viết **Giấy hẹn trả nợ** cam kết đến ngày 17/7/2017 trả 500 triệu đồng, còn lại 400 triệu đồng sẽ trả dứt điểm vào ngày 25/7/2017; cuối Giấy, T viết “*Tôi là Nguyễn Ngọc T...cam kết sẽ đốc thúc ông T trả nợ cho cô H theo đúng thời gian T cam kết, nếu ông T không trả Tôi sẽ có trách nhiệm trả nợ cô H*”, bà H là người giữ Giấy và xuất trình (bl 41). Ngày 22/7/2017, T cho T mượn 480.000.000 đồng trả bà H. Ngày 20/8/2021, T trả bà Nguyễn Thị H 10.000.000 đồng (bl 223). Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/11/2021 T trả bà H 5.000.000 đồng, ngày 20/12/2021 T trả bà H 4.000.000 đồng, ngày 30/01/2022 T trả bà H 4.000.000 đồng,

[4] Theo quy định tại Bộ luật hình sự thì Khách thể của tội phạm là một trong bốn yếu tố cấu thành tội phạm, Khách thể của tội phạm cụ thể là quan hệ xã hội cụ thể được luật hình sự bảo vệ; trong vụ án này khách thể của tội phạm (nếu bị xâm phạm) là quyền sở hữu tài sản của bà Nguyễn Thị H. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy với các chứng cứ, tình tiết nêu trên thì bà H sẽ không cho T mượn tiền: (i) nếu T không phải là Nhân viên tín dụng Phòng giao dịch Ngân hàng V - Thành phố T và đã từng nhiều lần môi giới để bà H đưa tiền cho T để T thực hiện việc “*đáo hạn*” cho nhiều người tại Ngân hàng V - Thành phố T, đổi lại bà H ngoài việc nhận lại tiền cho mượn, còn được hưởng lãi cao; (ii) nếu T không cùng đi với T và cùng nói dối bà H mượn tiền để T thực hiện việc “*đáo hạn khoản tiền T vay*” tại Ngân hàng V - Thành phố T (nơi T công tác). Như vậy, lý do bà H giao 900 triệu để T thực hiện “*đáo hạn khoản tiền T vay Ngân hàng*” là vì bà H hoàn toàn tin T và bà H còn buộc T viết cam kết bảo lãnh nếu T không trả thì T trả thay vào **GIẤY MƯỢN TIỀN** ngày 20/5/2017 và bà H giữ giấy. Do đó, cần điều tra làm rõ khi giao 900 triệu đồng bà H có nảy sinh suy nghĩ sợ không lấy lại được tiền hay không? nếu có nảy sinh suy nghĩ này thì lý do bà H vẫn giao tiền? khi T, T vi phạm thời hạn trả tiền thì bà H suy nghĩ như thế nào khi yêu cầu T và T viết **Giấy hẹn trả nợ** ngày 10/7/2017 mà không gửi ngay Đơn tố giác tội phạm đến Công an? làm rõ điều kiện kinh tế của gia đình T, của cha, mẹ, anh, chị, em ruột của T và hỏi bà H có biết vấn đề này không? hỏi bà H việc sau khi xét xử sơ thẩm, bà H nhận thêm 3 lần tiền do T trả, vậy số tiền còn lại bà H dự tính sẽ yêu cầu ai trả? và cũng cần điều tra làm rõ bà H cho “*mượn tiền*” hay cho “*vay tiền*” vì Giấy ghi là cho “*mượn tiền*” và nếu là cho “*vay tiền*” thì lãi suất là bao nhiêu? Chỉ trên cơ sở điều tra làm rõ những tình tiết, chứng cứ nêu trên mới đủ cơ sở kết luận Khách thể của tội phạm là quyền sở hữu tài sản của bà H có bị xâm phạm hay không, từ đó mới đủ cơ sở kết luận có đủ 4 yếu tố cấu thành tội phạm trong vụ án này hay không.

Do việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355, khoản 1 và khoản 5 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên xử:

(1) Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 46/2021/HS-ST ngày 23/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để điều tra lại như nhận định trên;

(2) Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam để điều tra lại theo thủ tục chung;

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam (kèm hồ sơ vụ án để điều tra lại theo thủ tục chung);
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo T;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Phòng HC-TP; Phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân